

# VẬN DỤNG LÝ THUYẾT DỊCH “TÍN – ĐẠT – NHÃ” TRONG THỰC TIỄN GIẢNG DẠY BIÊN PHIÊN DỊCH VIỆT – TRUNG CHO SINH VIÊN VIỆT NAM

Lê Thị Thanh Thúy, Nguyễn Phương Anh  
Trường Đại học Hạ Long

**Tóm tắt:** Lý thuyết dịch thuật “Tín – Đạt – Nhã” là hệ thống tiêu chuẩn kinh điển, giữ vai trò định hướng quan trọng trong cả thực tiễn lẫn giảng dạy biên phiên dịch tiếng Hán. Trong bối cảnh đào tạo biên dịch Việt – Trung hiện nay, việc tích hợp hiệu quả lý thuyết vào giảng dạy nhằm nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên là yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu tập trung vào đối tượng sinh viên trong giai đoạn chuyển đổi từ tích lũy kiến thức ngôn ngữ sang hình thành kỹ năng biên dịch chuyên nghiệp, nơi các em thường gặp các hạn chế như dịch thô (word-by-word) và chưa nắm vững thói quen diễn đạt trong tiếng Hán. Trên cơ sở hệ thống hóa nội dung cốt lõi của lý thuyết “Tín – Đạt – Nhã” và phân tích thực trạng lỗi sai từ các ví dụ thực hành trong giáo trình, bài viết đưa ra các minh họa giảng dạy cụ thể dựa trên ba cấp độ: trung thành (Tín), thông suốt (Đạt) và tinh tế (Nhã). Kết quả nghiên cứu cho thấy việc hướng dẫn sinh viên vận dụng lý luận theo lộ trình phân cấp—ưu tiên củng cố ý thức về tính chính xác và sự mạch lạc ở giai đoạn đầu—giúp khắc phục hiệu quả tình trạng dịch cứng nhắc, từ đó nâng cao chất lượng văn bản đích. Nghiên cứu kỳ vọng đóng góp giá trị tham khảo thiết thực cho công tác đào tạo biên dịch Việt – Trung.

**Từ khóa:** Tín – Đạt – Nhã; Dịch Việt – Hán; Giảng dạy biên phiên dịch Việt - Trung; Sinh viên Việt Nam.

## APPLYING THE ‘FAITHFULNESS, EXPRESSIVENESS, AND ELEGANCE’ THEORY TO VIETNAMESE-CHINESE INTERPRETING INSTRUCTION FOR VIETNAMESE STUDENTS

**Abstract:** The “Faithfulness, Expressiveness, and Elegance” (Xin-Da-Ya) theory serves as a classic framework that continues to exert a profound influence on both the practice and pedagogy of Chinese translation. In the current context of Vietnamese-Chinese translation training, integrating this theoretical framework into the classroom to enhance students’ practical skills has become an essential requirement. This study focuses on students during the critical transition from linguistic knowledge acquisition to professional translation competence, a stage where common challenges such as literal translation (word-by-word) and a lack of proficiency in Chinese idiomatic expressions often undermine translation quality. By systematizing the core tenets of the “Faithfulness, Expressiveness, and Elegance” theory and analyzing common errors found in textbook-based exercises, this paper proposes specific pedagogical demonstrations across three dimensions: Faithfulness (Xin), Expressiveness (Da), and Elegance (Ya). The findings suggest that guiding students to apply these principles through a tiered approach—prioritizing accuracy and coherence in the initial stages—effectively mitigates rigid translation habits and improves the overall quality of the target text. This research is expected to provide valuable reference for the training and instruction of Vietnamese-Chinese translation.

**Keywords:** Faithfulness-Expressiveness-Elegance; Vietnamese-Chinese Translation; Translation Pedagogy; Vietnamese Students.

Nhận bài: 17/03/2026

Phản biện: 17/04/2026

Duyệt đăng: 21/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giao lưu giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng được thắt chặt, vai trò của dịch thuật Việt – Trung trong các lĩnh vực dịch vụ ngôn ngữ, giáo dục và giao lưu văn hóa ngày càng trở nên quan trọng. Thực tế này cũng đặt ra những yêu cầu khắt khe hơn trong công tác đào tạo nhân lực ngành dịch thuật. Trong tiến trình giảng dạy biên - phiên dịch, lý thuyết dịch không chỉ là kim chỉ nam cho thực hành mà còn là nền tảng cốt lõi để hình thành tư duy và năng lực chuyên môn cho người học. Tuy nhiên, trên thực tế, một bộ phận sinh viên vẫn chỉ dừng lại ở mức độ hiểu biết bề mặt về lý thuyết, chưa thể vận dụng linh hoạt và hiệu quả vào các bài tập thực hành cụ thể.

Lý thuyết dịch thuật “Tín – Đạt – Nhã”, với tư cách là chuẩn mực kinh điển trong hệ thống lý thuyết dịch thuật truyền thống Trung Quốc, sở

hữu ý nghĩa định hướng sâu sắc trong cả thực tiễn lẫn giảng dạy. Với cấu trúc chặt chẽ và nội hàm minh xác, lý thuyết này vừa nhấn mạnh sự trung thành với nguyên tác, vừa coi trọng sự lưu loát và tính thẩm mỹ của ngôn ngữ đích, mang lại tính khả thi cao trong môi trường sư phạm. Do đó, việc đưa lý thuyết “Tín – Đạt – Nhã” vào giảng đường dịch thuật Việt – Hán sẽ giúp sinh viên thiết lập được hệ thống tiêu chuẩn đánh giá căn bản, từ đó nâng cao khả năng thẩm định chất lượng bản dịch.

Trên cơ sở đó, bài viết này lấy đối tượng nghiên cứu là sinh viên Việt Nam để tìm hiểu về việc ứng dụng cụ thể lý thuyết “Tín – Đạt – Nhã” trong giảng dạy biên dịch Việt – Hán. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đưa ra những tham chiếu thực tiễn và hỗ trợ về mặt lý luận cho công tác giảng dạy biên dịch Việt – Hán hiện nay.

Bài viết này tập trung khai thác giá trị của lý thuyết dịch thuật kinh điển “Tín – Đạt – Nhã” trong bối cảnh giảng dạy biên dịch Việt – Trung hiện đại tại Việt Nam. Về mặt lý luận, bài viết góp phần mở rộng phạm vi ứng dụng của học thuyết này, vốn trước đây thường chỉ được nghiên cứu trong lĩnh vực văn học, sang lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng và đào tạo biên dịch thực hành. Về mặt thực tiễn, thông qua việc phân tích lỗi sai thực tế sinh viên Việt Nam, nghiên cứu đề xuất một quy trình giảng dạy có tính thao tác cao, giúp người học định hình tiêu chuẩn dịch thuật và khắc phục triệt để tình trạng dịch đối chiếu từng chữ (word-by-word). Mục tiêu cốt lõi là giúp sinh viên không chỉ nắm vững kỹ năng chuyển ngữ chính xác mà còn hình thành tư duy tự hiệu đính và khả năng diễn đạt lưu loát theo tư duy ngôn ngữ đích. Với văn phong học thuật khách quan và mạch lạc, bài báo cung cấp một khung tham chiếu thực tiễn giá trị cho các giảng viên và nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Cơ sở lý luận về hệ thống tiêu chuẩn “Tín – Đạt – Nhã” trong dịch thuật

Hệ thống lý luận “Tín – Đạt – Nhã” do Nghiêm Phục khởi xướng không chỉ là cột trụ của tư tưởng dịch thuật truyền thống phương Đông mà còn là kim chỉ nam quan trọng trong giáo dục ngôn ngữ hiện đại. Nội hàm của hệ thống này được xây dựng dựa trên ba trụ cột chuyên tính tịnh tiến:

“**Tín**” : Đóng vai trò là nền tảng tiên quyết, yêu cầu sự trung thành tuyệt đối với thông tin, logic và ngữ nghĩa của văn bản nguồn.

“**Đạt**” : Là yêu cầu trọng tâm về mặt chức năng, đòi hỏi bản dịch phải vượt qua rào cản từ vựng để đạt đến sự thông suốt, phù hợp với tư duy và quy phạm của ngôn ngữ đích.

“**Nhã**” : Đại diện cho tầng bậc thẩm mỹ cao nhất, hướng tới việc tái hiện phong cách và sắc thái văn hóa đặc thù.

Trong thực tiễn giảng dạy biên dịch Việt – Hán, mối quan hệ giữa ba yếu tố này không tồn tại độc lập mà tạo thành một **chỉnh thể tầng bậc mang tính kế thừa**. Việc vận dụng lý thuyết này giúp người học hình thành lộ trình tư duy khoa học: từ việc tiếp nhận chính xác nguyên tác (Tín), đến kỹ thuật chuyển đổi ngôn ngữ linh hoạt (Đạt) và cuối cùng là tối ưu hóa văn phong (Nhã). Đặc biệt, khi được tích hợp cùng các lý thuyết hiện đại như *Thuyết mục đích* hay *Thuyết tương đương chức*

*năng*, “Tín – Đạt – Nhã” tạo nên một khung tham chiếu toàn diện, hỗ trợ sinh viên khắc phục hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ và nâng cao năng lực giao tiếp xuyên văn hóa.

### 2.2. Những vấn đề tồn tại chính trong thực hành dịch thuật của sinh viên

#### 2.2.1. Hiện tượng dịch đối chiếu từng chữ (word-by-word) còn phổ biến

Trong giảng dạy biên dịch Việt – Trung, dịch đối chiếu từng chữ là một trong những lỗi thường gặp nhất ở sinh viên Việt Nam. Nhiều sinh viên có xu hướng phụ thuộc quá mức vào ngữ nghĩa trong từ điển, thực hiện chuyển ngữ theo trật tự từ của văn bản gốc mà xem nhẹ cấu trúc tổng thể cũng như quan hệ ngữ nghĩa trong câu. Cách tiếp cận này tuy về hình thức có vẻ “trung thành” với nguyên tác, nhưng thực tế lại khiến bản dịch trở nên gượng ép, thiếu tự nhiên, thậm chí gây sai lệch về mặt ngữ nghĩa.

#### Ví dụ:

Câu tiếng Việt gốc: Anh ấy đã làm việc này từ lâu rồi.

Một số sinh viên dịch thành: “他已经做这个工作从很久了。” (*Tā yǐjīng zuò zhègè gōngzuò cóng hěnjiǔ le.*)

Bản dịch này tuân thủ nghiêm ngặt trật tự từ của tiếng Việt. Dù mọi từ ngữ đều có thể tìm thấy từ tương ứng trong tiếng Trung, nhưng cách diễn đạt tổng thể lại hoàn toàn không phù hợp với quy phạm ngôn ngữ Trung. Bản dịch phù hợp hơn phải là: “他做这项工作已经很久了。” (*Tā zuò zhè xiàng gōngzuò yǐjīng hěnjiǔ le.*)

Hiện tượng này cho thấy sinh viên vẫn chưa nhận thức đầy đủ rằng dịch thuật không đơn thuần là sự thay thế từ vựng máy móc, mà là quá trình tái cấu trúc ngôn ngữ dựa trên việc thông hiểu trọn vẹn ý nghĩa của văn bản gốc.

#### 2.2.2. Xem nhẹ thói quen diễn đạt của tiếng Trung, bản dịch thiếu tự nhiên

Trong thực tế biên dịch Việt – Trung, dù một bộ phận sinh viên có khả năng hiểu đúng ý nghĩa nguyên tác, song khi diễn đạt lại thường bị chi phối bởi tư duy ngôn ngữ mẹ đẻ. Việc rập khuôn cấu trúc câu tiếng Việt vào tiếng Trung khiến bản dịch dù không sai sót nghiêm trọng về ngữ nghĩa nhưng lại trở nên khô cứng, không phù hợp với thói quen tiếp nhận của người bản ngữ.

#### Ví dụ:

Câu tiếng Việt gốc: Vì trời mưa nên chúng tôi không đi học.

Một số sinh viên dịch thành: “因为下雨，

所以我们不去上学。” (Yīnwèi xiàoyǔ, suǒyǐ wǒmen bù qù shàngxué.)

Xét về mặt ngữ pháp, câu trên không sai, nhưng trong văn viết tiếng Hán, nếu quan hệ ngữ cảnh đã rõ ràng, các liên từ thường được lược bỏ để cách diễn đạt tự nhiên hơn. Chẳng hạn: “由于下雨, 我们没有去上学。” hoặc “下雨了, 我们没有去上学。”

Thực trạng này minh chứng cho việc sinh viên có khuynh hướng bảo lưu nguyên vẹn cấu trúc văn bản nguồn mà thiếu ý thức điều chỉnh linh hoạt theo ngữ cảnh của ngôn ngữ đích. Ngoài ra, sinh viên cũng dễ bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ trong việc sắp xếp vị trí các thành phần tu sức (định ngữ).

#### Ví dụ:

Câu tiếng Việt gốc: Anh ấy là một người rất chăm chỉ.

Sinh viên thường dịch là: “他是一个很努力的人。” Dù cách dịch này cơ bản là đúng, nhưng trong các ngữ cảnh cụ thể, tiếng Hán thường ưu tiên các cách biểu đạt như: “他是一个非常勤奋的人。” hoặc “他做事非常勤奋。”

Những vấn đề trên cho thấy sinh viên chưa nắm vững các cụm từ cố định và cách kết hợp từ trong tiếng Trung, dẫn đến việc quá lệ thuộc vào dịch thẳng mà bỏ qua thói quen ngôn ngữ.

#### 2.2.3. Bản dịch thiếu sự trôi chảy, cấu trúc cú pháp lỏng lẻo

Một bộ phận sinh viên tuy truyền tải được tương đối đầy đủ thông tin nhưng lại thiếu tư duy hệ thống về cú pháp, dẫn đến tình trạng câu văn rời rạc, logic thiếu chặt chẽ hoặc diễn đạt lủng củng. Vấn đề này đặc biệt nghiêm trọng trong việc xử lý các câu dài và câu phức.

#### Ví dụ:

Câu tiếng Việt gốc: Sau khi tốt nghiệp đại học, anh ấy đã tìm được một công việc ổn định tại Hà Nội.

Một số sinh viên dịch: “在大学毕业以后, 他已经找到了一个工作稳定在河内。” (Zài dàxué bìyè yǐhòu, tā yǐjīng zhǎodàole yīgè gōngzuò wěndìng zài Hénèi.)

Bản dịch này mắc lỗi cú pháp nghiêm trọng. Cấu trúc “工作稳定在河内” không phù hợp với quy phạm tiếng Trung, gây nhiễu loạn quan hệ tu sức và dễ dẫn đến hiểu lầm. Nguyên nhân cốt lõi là do sinh viên không phân tích đúng các thành phần câu mà dịch máy móc theo trật tự từ tiếng Việt. Cách dịch thỏa đáng phải là: “大学毕业后, 他在河内找到了一份稳定的工作。”

#### Ví dụ khác:

Câu tiếng Việt gốc: Khi tham gia hoạt động tình nguyện, sinh viên không chỉ học được nhiều kinh nghiệm mà còn nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội.

Sinh viên thường dịch: “当参加志愿活动时, 学生不仅学习很多经验, 而且提高社会责任意识。”

Dù truyền đạt được ý chính, nhưng cụm từ “学习很多经验” (học nhiều kinh nghiệm) trong tiếng Trung rất thiếu tự nhiên, đồng thời các liên kết logic trong câu còn gương ép.

Bản dịch sau khi hiệu đính: “在参加志愿活动的过程中, 学生不仅积累了丰富的经验, 还增强了社会责任意识。”

Có thể thấy, độ trôi chảy của bản dịch không chỉ phụ thuộc vào tính chính xác của từ vựng mà còn liên quan chặt chẽ đến việc tái cấu trúc cú pháp và lựa chọn từ ngữ phối hợp phù hợp.

#### 2.3. Tư duy văn bản yếu, thiếu sự liên kết mạch lạc giữa các câu

Trong giảng dạy thực tế, nhiều sinh viên quá chú trọng vào tính chính xác của từng câu đơn lẻ mà xem nhẹ tính liên kết của toàn văn trên phương diện ngữ đoạn. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu sự kết nối giữa các câu, khiến tổng thể đoạn văn trở nên rời rạc. Lỗi này thể hiện rõ nhất trong các bài tập dịch đoạn văn và tiểu luận.

Ví dụ, khi dịch một văn bản thuyết minh hoặc tự sự: Trích đoạn tiếng Việt: Trường Đại học Hạ Long được thành lập năm 2014. Trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương. Nhiều sinh viên dịch rời rạc từng câu: “下龙大学成立于2014年。学校有任务培养高质量人力资源给地方。”

Xét riêng lẻ, các câu này không mắc lỗi nghiêm trọng, nhưng xét dưới góc độ văn bản, giữa các câu thiếu đi sự chuyển tiếp tự nhiên, và cụm từ “有任务培养” (có nhiệm vụ đào tạo) mang đậm dấu ấn cấu trúc câu tiếng Việt. Cách dịch phù hợp hơn với phong cách văn bản tiếng Hán nên là: “下龙大学成立于2014年, 主要承担为地方培养高素质人才的任务。”

Bằng cách hợp nhất câu và điều chỉnh phương thức diễn đạt, bản dịch ở cấp độ văn bản sẽ trở nên chặt chẽ và mạch lạc hơn.

#### 2.4. Một số định hướng và kiến nghị đối với công tác giảng dạy biên phiên dịch Việt – Trung cho sinh viên Việt Nam

Hệ thống hóa tư duy dịch thuật qua lý thuyết “Tin – Đạt – Nhã”

Mục tiêu: Thay đổi tư duy dịch “từ đối từ” (word-by-word) sang tư duy ngữ dụng tổng thể.

Lộ trình: Giảng dạy theo mô hình phân tầng: tập trung vào sự chính xác của ngữ nghĩa (Tín), sau đó đến sự thông suốt trong diễn đạt theo quy phạm tiếng Hán (Đạt) và cuối cùng là sự tinh tế về văn phong (Nhã).

#### *Tăng cường phân tích đối chiếu ngôn ngữ*

Mục tiêu: Giảm thiểu hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng Việt.

Giải pháp: Tập trung vào sự khác biệt về trật tự từ, cấu trúc tu từ và tính liên kết logic giữa Trung - Việt. Đặc biệt chú trọng việc đối chiếu các lỗi dịch sát nghĩa của sinh viên với cách biểu đạt của người bản ngữ để nâng cao ngữ cảm.

#### *Đổi mới mô hình thực hành dịch thuật*

Mục tiêu: Nâng cao độ nhạy bén ngôn ngữ.

Phương pháp: Áp dụng quy trình 4 bước: Phân tích mẫu – Thực hành – Bình giảng đối chiếu – Tổng kết nâng cao. Sử dụng học liệu đa dạng, gần gũi với thực tiễn để tăng tính ứng dụng và hứng thú cho người học.

#### *Bồi dưỡng ý thức diễn ngôn và liên văn hóa*

Mục tiêu: Chuyển đổi trọng tâm từ cấp độ câu sang cấp độ văn bản.

Giải pháp: Trang bị kiến thức về sự khác biệt trong thói quen xưng hô, biểu tượng văn hóa và giá trị quan giữa hai quốc gia. Việc nắm vững bối cảnh văn hóa giúp bản dịch đạt được sự tự nhiên và phù hợp trong giao tiếp liên văn hóa.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã khẳng định rằng việc vận dụng hệ thống lý luận kinh điển “Tín – Đạt – Nhã”

không chỉ dừng lại ở phương diện lý thuyết dịch thuật thuần túy mà còn là một công cụ sư phạm hữu hiệu trong đào tạo biên phiên dịch Việt – Trung tại Việt Nam. Qua việc phân tích thực trạng thực hành của sinh viên, bài viết chỉ ra rằng những hạn chế cố hữu như dịch đối chiếu từng chữ (word-by-word) hay sự lỏng lẻo trong cấu trúc cú pháp phần lớn xuất phát từ việc người học thiếu một hệ tiêu chuẩn đánh giá và định hướng tư duy dịch thuật rõ ràng.

Việc triển khai giảng dạy theo lộ trình phân cấp từ “Tín” (chính xác) đến “Đạt” (thông suốt) và hướng tới “Nhã” (tinh tế) đã mang lại những chuyển biến tích cực. Cách tiếp cận này giúp sinh viên thoát khỏi sự lệ thuộc vào cấu trúc tiếng mẹ đẻ, hình thành ý thức về diễn ngôn và thói quen diễn đạt đặc trưng của tiếng Hán. Bài viết cho thấy, khi người học nắm vững được mối quan hệ biện chứng giữa sự trung thành với nguyên tác và sự linh hoạt trong ngôn ngữ đích, chất lượng bản dịch không chỉ cải thiện về mặt ngữ nghĩa mà còn đạt được sự tự nhiên, uyển chuyển trong giao tiếp liên văn hóa.

Trong tương lai, công tác đào tạo biên phiên dịch Việt – Trung cần tiếp tục đổi mới thông qua việc kết hợp các chuẩn mực dịch thuật truyền thống với những phương pháp giảng dạy hiện đại, chú trọng vào phân tích đối chiếu và thực hành dựa trên ngữ liệu thực tế. Hy vọng những định hướng và kiến nghị trong bài viết này sẽ trở thành nguồn tham khảo hữu ích cho các giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Ký Châu (chủ biên). *Giáo trình Hán ngữ (Bộ mới)*. Nxb Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.
- Nghiêm Phục (1898). *Lời tựa sách "Thiên diễn luận"*.
- Nguyễn Thượng Hùng (2005). *Dịch thuật: Từ lý thuyết đến thực hành*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.
- La Tân Chương (罗新璋) (1984). *Toàn tập luận văn dịch thuật Trung Quốc (我国翻译理论体系)*. Bắc Kinh: Nxb Thương vụ.
- Lưu Thụy Phục (刘宓庆) (1999). *Lý luận dịch thuật đương đại (当代翻译理论)*. Bắc Kinh: Nxb Giáo dục Ngôn ngữ Trung Quốc.